

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 7008/QĐ-SGDĐT ngày 24/9/2025 của Sở GDĐT)

I. Quy định chung

- Thời gian làm bài thi: 90 phút (Không tính thời gian phát đề).
- Phạm vi kiến thức: Theo chương trình GDPT 2018 cấp THCS, chủ yếu là chương trình lớp 9.
- Hình thức bài thi: Trắc nghiệm.
- Cấp độ tư duy: Nhận biết 30 %; Thông hiểu 40 %; Vận dụng 20 %, vận dụng cao 10%
- Các câu trong đề thi không trùng với các đề thi đã công bố trong 3 năm gần đây.

II. Cấu trúc đề thi

- Đề thi gồm Phần I, II, III theo 3 dạng thức trắc nghiệm:
 - Phần I gồm các câu hỏi ở dạng thức trắc nghiệm nhiều lựa chọn cho 04 phương án chọn 01 đáp án đúng.
 - Phần II gồm các câu hỏi ở dạng thức trắc nghiệm dạng Đúng/Sai; mỗi câu hỏi có 04 ý, tại mỗi ý thí sinh lựa chọn Đúng hoặc Sai.
 - Phần III gồm các câu hỏi ở dạng thức trắc nghiệm dạng trả lời ngắn, mỗi câu hỏi có 1 lệnh hỏi và kết quả mỗi lệnh có tối đa 4 kí tự.

2. Bảng quy định cho từng phần

Phần	Dạng thức trắc nghiệm	Số câu/lệnh hỏi chia theo mức độ nhận thức				Tổng
		Biết	Hiểu	VD	VDC	
I	Trắc nghiệm nhiều lựa chọn	8 câu (8 lệnh hỏi)	4 câu (4 lệnh hỏi)			12 câu (12 lệnh hỏi)
II	Trắc nghiệm dạng Đúng/Sai	4 lệnh hỏi	8 lệnh hỏi	4 lệnh hỏi		4 câu (16 lệnh hỏi)
III	Trắc nghiệm dạng trả lời ngắn		2 câu (2 lệnh hỏi)	2 câu (2 lệnh hỏi)	2 câu (2 lệnh hỏi)	6 câu (6 lệnh hỏi)

III. Cách thức tính điểm

- Phần I (3,0 điểm):** Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,25 điểm.
- Phần II (4,0 điểm):**
 - Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý (lệnh hỏi) trong 01 câu hỏi được 0,1 điểm;
 - Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý (lệnh hỏi) trong 01 câu hỏi được 0,25 điểm;
 - Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý (lệnh hỏi) trong 01 câu hỏi được 0,5 điểm;
 - Thí sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý (lệnh hỏi) trong 01 câu hỏi được 1,0 điểm.
- Phần III (3,0 điểm):** Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được 0,5 điểm.

Tổng điểm tối đa toàn bài: 10 điểm.

IV. Bảng nội dung và mức độ tư duy

TT	Mạch kiến thức	Nội dung	Số câu Phần I			Số ý Phần II			Số câu Phần III			
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	VDC
1	Số và Đại số.	Căn bậc hai và căn bậc ba của số thực.	4	1		2	4	2		1	1	1
		Căn thức bậc hai và căn thức bậc ba của biểu thức đại số.										
		Hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$) và đồ thị.										
		Phương trình quy về phương trình bậc nhất một ẩn.										
		Phương trình và hệ phương trình bậc nhất hai ẩn.										
		Phương trình bậc hai một ẩn. Định lí Viète.										
2	Hình học và đo lường.	Bất đẳng thức. Bất phương trình bậc nhất một ẩn.	3	2		1	2	1				
		Hình trụ. Hình nón. Hình cầu.										
		Tỉ số lượng giác của góc nhọn. Một số hệ thức về cạnh và góc trong tam giác vuông.										
		Đường tròn. Vị trí tương đối của hai đường tròn.										
		Vị trí tương đối của đường thẳng và đường tròn. Tiếp tuyến của đường tròn.										
		Góc ở tâm, góc nội tiếp.										
		Đường tròn ngoại tiếp tam giác.										

TT	Mạch kiến thức	Nội dung	Số câu Phần I			Số ý Phần II			Số câu Phần III			
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	VDC
		Đường tròn nội tiếp tam giác.									1	1
		Tứ giác nội tiếp.										
		Đa giác đều.										
3	Thống kê và xác suất.	Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ.	1	1		1	2	1		1		
		Bảng tần số, biểu đồ tần số.										
		Bảng tần số tương đối, biểu đồ tần số tương đối.										
		Phép thử ngẫu nhiên và không gian mẫu. Xác suất của biến cố trong một số mô hình xác suất đơn giản.										